CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM
CÔNG VĂN ĐẾN Số: 2775 ngày 23/10/2026
CHUYỂN
Lãnh đạo CC.....
Phòng.....
.....
Sao.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/AHĐHY/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH An Hưng Đạt Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0917.886.155 Fax: .....

E-mail: trandinhhieu83@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0901251016

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 283/2026/ATTP-CNĐK

Ngày cấp: 03/10/2026 **Nơi cấp:** Sở Y Tế Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC UỐNG ION KIỀM LEVIWA

2. Thành phần: Nước uống phù hợp QCVN 6-1:2010(Quy chuẩn quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai) được kiềm hóa Nước.

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

Thể tích thực: 350 ml/chai, 500 ml/chai và đóng bình lớn dung tích 19 lít/bình hoặc tùy theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên bao bì.

Quy cách: đóng thùng 24 chai 350ml; đóng thùng 20 chai 500ml; bình 19L

- Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong chai /bình nhựa PET tích hợp nắp nhựa chuyên dụng. Toàn bộ vật liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với nước uống đều đảm bảo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về vệ sinh và an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.

5. Biện pháp bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp và tránh lưu trữ gần các hóa chất có mùi mạnh.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Việt Nam

- Sản xuất tại: Công ty TNHH An Hưng Đạt Hưng Yên

- Địa chỉ nhà máy/xưởng sản xuất: Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Doanh nghiệp đính kèm bản thiết kế nhãn chi tiết cho từng loại sản phẩm chai 350ml, 500ml và bình 19L). Nội dung nhãn thể hiện đầy đủ các thông tin bắt buộc bao gồm: Thương hiệu LEVIWA, Tên sản phẩm, Thể tích thực, Hướng dẫn sử dụng và bảo quản, Ngày sản xuất & Hạn sử dụng, Thông tin cơ sở sản xuất và các khuyến cáo cần thiết.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định của các văn bản kỹ thuật:

QCVN 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

V. Cam kết

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố cũng như chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với toàn bộ danh mục sản phẩm đã công bố nêu trên.

Hưng Yên, ngày 23 tháng 10. năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0901251016 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH AN HƯNG ĐẠT HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Miên

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901251016

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 09 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AN HƯNG ĐẠT HƯNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0917.886.155* Số Fax:

Thư điện tử: *miennguyen294@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 886.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm tám mươi sáu triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MIÊN	Việt Nam	Thôn Tiên Quán, Xã Lương Bằng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	354.400.000	40,000	033187008907	
2	PHAN THỊ THÚY	Việt Nam	Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	265.800.000	30,000	033173013415	
3	ĐỖ THỊ NHÂM	Việt Nam	Thôn Hải Yến, Xã Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	265.800.000	30,000	033152004307	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN THỊ MIÊN Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *05/06/1987* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *033187008907*

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tiên Quán, Xã Lương Bằng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Thị Thu Thủy

Được quét bằng CamScanner

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ Y TẾ
Số: 283/2026/ATTP-CNĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Tên cơ sở: **Công ty TNHH An Hưng Đạt Hưng Yên**
Địa chỉ: Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0917886155.

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất nước uống đóng chai ion kiềm, đóng bình ion kiềm

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ GIÁ TRỊ 3 NĂM KỂ TỪ NGÀY KÝ

Hưng Yên, ngày 03 tháng 10 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Quang Huy

Scanned with CamScanner

R3

50.00 mm

100.00 mm



Chiều cuộn

Tên sản phẩm	TEM NƯỚC LEVIWA 350ML			
Quy cách	Cuộn	**Màu in**		
Kích thước	60x90 MM	**Ngày Duyệt**	08.10.2026	**Ver: 0001**

Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chi tiết (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch...) Vì bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm

R3

60.00 mm

120.00 mm





Tên sản phẩm	TEM NƯỚC LEVIWA 500ML		
Quy cách	Cuộn	**Màu in**	
Kích thước	60x120 MM	**Ngày Duyệt**	09.10.2026 **Ver: 0001**

Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chi tiết (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch...)
Vì bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm

280.00 mm

120.00 mm



Tên sản phẩm	TEM NƯỚC LEVIWA		
Quy cách	Tờ	**Màu in**	1 C 2 M 3 4 K
Kích thước	120x280MM	**Ngày Duyệt**	09.10.2026 **Ver: 0001**

Trước khi ký xác nhận xin vui lòng kiểm tra cẩn thận tất cả các chi tiết (màu sắc, bố cục, nội dung, kích thước, mã vạch...)
Vì bất kỳ lỗi, nội dung không chính xác sau khi sản xuất chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm

BẢN SAO

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Địa chỉ hoạt động: Lô DM10-1 Điểm tiểu thủ công nghiệp, Làng nghề dệt lụa Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV152311120/01

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST REPORT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH AN HƯNG ĐẠT HƯNG YÊN**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Thôn Nội Thượng, Xã Hoàng Hoa Thám, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Nước Uống Ion Kiềm**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu đựng trong bình nắp kín, thể tích: 5L, số lượng: 02 bình
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 13/10/2026
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 13/10/2026-23/10/2026
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 23/10/2026

II. BẢNG KẾT QUẢ/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*	QCVN 6-1:2010/BYT
1	pH *	-	9,3	TCVN 6492:2011	-
2	Natri (Na) *	mg/L	58,45	TCVN 6196-3:2000	-
3	Antimon (Sb) *	mg/L	KPH (LOD = 0,001)	SMEWW 3125B:2023	0,02
4	Arsen (As) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023	0,01
5	Bari (Ba) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	SMEWW 3125B:2023	0,7
6	Bor (B) *	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	TCVN 6635:2000	0,5
7	Bromate (BrO_3^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,003)	US EPA Method 300.1:1997	0,01
8	Cadimi (Cd) *	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	SMEWW 3125B:2023	0,003
9	Clor dư *	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6225-2:2021	5
10	Clorat (ClO_3^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6494-4:2000 (ISO 10304-4:1997)	0,7

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV152311120/01

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*	QCVN 6-1:2010/BYT
11	Clorit (ClO_2^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6494-4:2000 (ISO 10304-4:1997)	0,7
12	Crom (Cr) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023	0,05
13	Đồng (Cu) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	SMEWW 3125B:2023	2
14	Xyanua (CN^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 6181:1996	0,07
15	Florua (F^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304-1:2007)	1,5
16	Chì (Pb) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023	0,01
17	Mangan (Mn) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	SMEWW 3125B:2023	0,4
18	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD = 0,0002)	SMEWW 3125B:2023	0,006
19	Molybden (Mo) *	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	SMEWW 3125B:2023	0,07
20	Niken (Ni) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023	0,07
21	Nitrat (NO_3^-) *	mg/L	3,96	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304-1:2007)	50
22	Nitrit (NO_2^-) *	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304-1:2007)	3
23	Selen (Se) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023	0,01
24	*E. coli* *	CFU/250mL	< 1	TCVN 6187-1:2019	0
25	Coliform tổng số *	CFU/250mL	< 1	TCVN 6187-1:2019	0
26	*Streptococci feacal* *	CFU/250mL	< 1	TCVN 6189-2:2009	0
27	*Pseudomonas aeruginosa* *	CFU/250mL	< 1	TCVN 8881:2011	0

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV152311120/01

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*	QCVN 6-1:2010/BYT
28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit *	CFU/50mL	< 1	TCVN 6191-2:1996	0

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

- QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai, ngưỡng giới hạn cho phép

- (-): Không quy định

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
UBND XÃ LƯƠNG BẰNG
01-11-2026
Số 12723 Quyển 03 SCT/BS

U.B.N.D XÃ LƯƠNG BẰNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

QUYỀN GIÁM ĐỐC
TRẦN QUỐC MINH

1. *Các kết quả được thể hiện trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu kiểm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*